

Phần thứ hai. YÊU CẦU VÀ CHỈ DẪN KỸ THUẬT GÓI THẦU
Chương V. YÊU CẦU VÀ CHỈ DẪN KỸ THUẬT GÓI THẦU

I. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

1. Giới thiệu chung về dự án

a) Dự án:

- Tên dự án: Mua sắm, lắp đặt hệ thống tiêu âm, cách âm, bàn ghế, trang thiết bị âm thanh, trình chiếu phòng trình chiếu sản phẩm báo chí truyền thông
- Chủ đầu tư: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
- Nguồn vốn: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.
- Quyết định đầu tư: Quyết định số 7955/QĐ-HVCTQG ngày 05/12/2025 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật;
- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Quyết định số 1782/QĐ-HVBCTT ngày 15/12/2025 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

b) Địa điểm: Số 36 đường Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

2. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Thi công xây dựng và mua sắm lắp đặt thiết bị.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh
- Phương thức lựa chọn nhà thầu : Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 70 ngày.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hợp đồng: ≤ 70 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

III. Yêu cầu về kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật

1. Yêu cầu về kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật

1.1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;

- TCVN 4055-2012: Tổ chức thi công
- TCVN 4252-2012: Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công.
- QCVN16:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Các tiêu chuẩn và quy phạm kỹ thuật hiện hành.

1.2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;

- Trong quá trình triển khai xây dựng, công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình của các bên liên quan phải thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Hoạt động thi công xây dựng phải đảm bảo an toàn cho các hoạt động thường xuyên của Chủ đầu tư.

1.3. Yêu cầu về hàng hóa và vật tư được sử dụng trong công trình

- Tất cả hàng hóa và vật tư được sử dụng trong công trình đều mới 100% bao gồm đầy đủ phụ kiện (nếu có), chưa từng qua sử dụng, thuộc thể hệ mới nhất, đã đưa vào tất cả các cải tiến về thiết kế và vật liệu.

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật
1	Ghế hội trường	<ul style="list-style-type: none"> - Vải bọc: Vải lưới 3D, màu đỏ - Mặt ngồi: Nệm mút xốp polyurethane được bọc vải (vải bọc có thể thay thế). Khung thép tấm với lò xo dạng xoắn, cơ cấu xoay nhẹ nhàng. Tấm ốp mặt dưới ngồi: ván ép đúc dày 18mm, sơn PU - Lưng ghế: Nệm mút xốp polyurethane được bọc vải. Tấm chắn sau: ván ép đúc dày 18mm, sơn PU. Màu sắc: Lựa chọn trong bảng màu KSW-Series - Tay ghế: Gỗ sồi, sơn PU. Màu sắc: Lựa chọn trong bảng màu KSW-Series. Tấm chắn bên hông ghế: ván ép sơn PU. Màu sắc: Lựa chọn trong bảng màu KSW-Series - Chân ghế: Thép ống hình chữ nhật 100x20x1.6mm, thép tấm t4.5 sơn bột tĩnh điện KC-280 (màu đen). Nắp đế chân: Nhựa ABS tổng hợp màu đen. Cố định xuống sàn bằng bulong - Biển mã hiệu: đế nhựa biển đúc nguyên khối ABS. Tấm ghi số hàng làm bằng mica t1.5mm in kéo lụa
2	Loa Fullranger phía trước (L-R)	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểu loa: Toàn dải thụ động hai chiều • Cấu hình loa: <ul style="list-style-type: none"> • LF: 2 × 6.5" (174mm), coil 2" (50mm) • HF: 1 × 1" (26mm), coil 1.7" (44mm)
3	Loa Fullranger surround	<ul style="list-style-type: none"> • Dải tần đáp ứng (±5dB): 80Hz – 18kHz • Độ nhạy (1W/1m): 95dB • SPL tối đa: 119dB liên tục / 125dB đỉnh • Góc phủ: 90° (ngang) × 50° (dọc) – có thể xoay • Trở kháng: 8Ω

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	
		<ul style="list-style-type: none"> • Công suất AES / Peak: 250W / 1000W • Công suất ampli đề xuất: 400W – 600W @ 8Ω • Tần số cắt: 1800Hz • Kết nối: 2 × Agasound NL4MP • Vật liệu thùng: Gỗ dán mật độ cao • Lưới bảo vệ: Lưới thép lục giác ngoài + lớp cách âm bên trong • Sơn phủ: Sơn gốc nước chống cháy 	
4	Loa Center	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểu loa: Toàn dải hai chiều, ba đơn vị • Cấu hình loa: <ul style="list-style-type: none"> • LF: 2 × 6.5" (165mm), coil 35mm • HF: 1 × 1" (25mm), coil 36mm • Dải tần đáp ứng (±5dB): 60Hz – 20kHz • Góc phủ âm: 110° (ngang) × 60° (dọc) • Độ nhạy (1W/1m): 93dB • Mức áp suất âm thanh (SPL): 115.6dB liên tục / 121.6dB đỉnh • Trở kháng định mức: 4Ω • Công suất AES / Peak: 180W / 720W • Công suất ampli khuyến nghị: 200W – 300W @ 4Ω • Đầu nối tín hiệu: Kẹp terminal 2 vị trí 	
5	Subwoofer Cinema	Kiểu loa	Loa siêu trầm
		Thành phần đơn vị	LF: 1 × 15 " (380mm) / 4 " (100mm) Cuộn dây thoại
		Đáp ứng tần số (+/- 5dB)	44-200Hz
		Độ nhạy (1m / 1W)	96dB
		Mức áp suất âm thanh đầu ra	125dB liên tục / 131dB đỉnh
		Công suất định mức	800W AES / 3200W ĐỈNH
		Công suất bộ khuếch đại	1000W-1200W @ 8Ω
		Điểm chéo	≤150
6	Loa âm trần	<ul style="list-style-type: none"> • Loa bass: 8 inch (200 mm) • Loa treble: 1 inch (25 mm) • Dải tần đáp ứng: 100 Hz – 20 kHz (±5 dB) • Độ nhạy: 96 dB (1W/1m) • Công suất: 40W AES • Trở kháng: 8Ω • Góc phủ âm: 120° × 120° • Kích thước tổng thể: Φ285 × 190 mm • Đường kính khoét lỗ: 250 mm 	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật																			
		<ul style="list-style-type: none"> Vỏ loa: làm từ nhựa ABS cao cấp, sơn tĩnh điện bền bỉ 																			
7	Cục đẩy công suất (loa Subwoofer)	<table border="1"> <tr> <td>Công suất</td> <td> <ul style="list-style-type: none"> 1050W × 2 ở chế độ 8 ohm 1650W × 2 ở chế độ 4 ohm </td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ tín hiệu/ nhiễu (20hz – 20khz)</td> <td>> 110dB</td> </tr> <tr> <td>Tăng điện áp (8Ω)</td> <td>1,0Vms</td> </tr> <tr> <td>Tăng điện áp (8ohm)</td> <td>34,4dB</td> </tr> <tr> <td>Mạch công suất</td> <td>TD kết hợp với biến áp dạng xuyên</td> </tr> <tr> <td>Độ méo tiếng</td> <td> <ul style="list-style-type: none"> Công suất ở 8 ohms <0,05% Công suất ở 4 ohms <0,1% </td> </tr> <tr> <td>Tần số đáp ứng</td> <td>20-20kHz, +0, -1dB</td> </tr> <tr> <td>Hệ số giảm xóc</td> <td>>500</td> </tr> <tr> <td>Trở kháng đầu vào</td> <td>20KΩ (Đầu vào cân bằng / đầu vào không cân bằng)</td> </tr> </table>	Công suất	<ul style="list-style-type: none"> 1050W × 2 ở chế độ 8 ohm 1650W × 2 ở chế độ 4 ohm 	Tỷ lệ tín hiệu/ nhiễu (20hz – 20khz)	> 110dB	Tăng điện áp (8Ω)	1,0Vms	Tăng điện áp (8ohm)	34,4dB	Mạch công suất	TD kết hợp với biến áp dạng xuyên	Độ méo tiếng	<ul style="list-style-type: none"> Công suất ở 8 ohms <0,05% Công suất ở 4 ohms <0,1% 	Tần số đáp ứng	20-20kHz, +0, -1dB	Hệ số giảm xóc	>500	Trở kháng đầu vào	20KΩ (Đầu vào cân bằng / đầu vào không cân bằng)	
Công suất	<ul style="list-style-type: none"> 1050W × 2 ở chế độ 8 ohm 1650W × 2 ở chế độ 4 ohm 																				
Tỷ lệ tín hiệu/ nhiễu (20hz – 20khz)	> 110dB																				
Tăng điện áp (8Ω)	1,0Vms																				
Tăng điện áp (8ohm)	34,4dB																				
Mạch công suất	TD kết hợp với biến áp dạng xuyên																				
Độ méo tiếng	<ul style="list-style-type: none"> Công suất ở 8 ohms <0,05% Công suất ở 4 ohms <0,1% 																				
Tần số đáp ứng	20-20kHz, +0, -1dB																				
Hệ số giảm xóc	>500																				
Trở kháng đầu vào	20KΩ (Đầu vào cân bằng / đầu vào không cân bằng)																				
8	Cục đẩy công suất	<p> Công suất 8Ω: 800W x4 Công suất 4Ω: 1450W x4 Bridge 8Ω: 1600W x2 Đáp tuyến tần số: 2Hz–20kHz, +0/-1dB Tốc độ Slew Rate: 28V/us Hệ số giảm chấn: >500 S/N Ratio: >105dB (A) THD: < 0.05% @ 1/8 công suất Gain đầu vào: 20dB – 41dB Nguồn cấp: 90–264V AC Bảo vệ: Ngắn mạch, quá dòng, quá áp, quá nhiệt, nhiễu RF </p>																			
9	Cục đẩy công suất (loa Fullrange)	<table border="1"> <tr> <td>Công suất</td> <td> <ul style="list-style-type: none"> 8Ω: 400W × 7 + 800W × 1 4Ω: 600W × 7 + 1200W × 1 </td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ tín hiệu trên nhiễu (20Hz-20kHz)</td> <td>105dB</td> </tr> <tr> <td>Tốc độ chuyển đổi</td> <td>60v / US</td> </tr> <tr> <td>Hệ số giảm chấn</td> <td>450: 1</td> </tr> <tr> <td>Phản hồi thường xuyên</td> <td>/-0,1dB, 20Hz + 20kHz</td> </tr> <tr> <td>THD</td> <td>≤0.01% Công suất định mức @ 8Ω 1khz</td> </tr> </table>	Công suất	<ul style="list-style-type: none"> 8Ω: 400W × 7 + 800W × 1 4Ω: 600W × 7 + 1200W × 1 	Tỷ lệ tín hiệu trên nhiễu (20Hz-20kHz)	105dB	Tốc độ chuyển đổi	60v / US	Hệ số giảm chấn	450: 1	Phản hồi thường xuyên	/-0,1dB, 20Hz + 20kHz	THD	≤0.01% Công suất định mức @ 8Ω 1khz							
Công suất	<ul style="list-style-type: none"> 8Ω: 400W × 7 + 800W × 1 4Ω: 600W × 7 + 1200W × 1 																				
Tỷ lệ tín hiệu trên nhiễu (20Hz-20kHz)	105dB																				
Tốc độ chuyển đổi	60v / US																				
Hệ số giảm chấn	450: 1																				
Phản hồi thường xuyên	/-0,1dB, 20Hz + 20kHz																				
THD	≤0.01% Công suất định mức @ 8Ω 1khz																				

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	
		IMD	≤0.01% Công suất định mức @ 8Ω
		Độ nhạy đầu vào	1.0V
		Kháng đầu vào	10k / 20k ohurs, không cân bằng hoặc cân bằng
		Tỷ lệ từ chối đầu vào	≤-75db
		Xuyên âm	≤-70db
		Sức mạnh chính	220V 50 / 60Hz HUSE: T20A
10	Chip	<ul style="list-style-type: none"> Kênh đầu ra: Chính (L/R) / trung tâm, SUB/ SURR (L/R) S/NR: 95dB THD: 0.01% Mức đầu vào tối đa: 1.5V Mức đầu ra tối đa: 10Vrms Độ nhạy: 210mV Trở kháng đầu vào: 47K không cân bằng Nhiều xuyên âm của các kênh: 85dB Phản hồi: 4 cấp độ 	
11	Đầu liên ổ cứng 6TB	Loại: Đầu karaoke Liên màn Hình Hệ điều hành: Android Dung lượng: 6TB Ngôn Ngữ: Tiếng Việt Ứng dụng mở rộng: Karaoke, Nghe nhạc Kích thước màn hình: 22 inch Chip: CPU Allwinner H6 4 lõi Cortex A53 Tỷ lệ màn hình: 16 Kết nối: WIFI 802.11 bgn, Ethernet 1Gbs Cổng kết nối: HDMI, RCA, Optical, Coaxial Độ phân giải: 4K – 2K 60fps	
12	Đầu TV: 128GB	Độ phân giải: 4K 60FPS Công nghệ: Dolby Vision, HDR 10 Hệ điều hành: TVOS Bộ nhớ trong: 128GB CPU: Apple A15 Bionic Cổng kết nối: 1 cổng HDMI, 1 Cổng LAN, Cổng nguồn Kết nối bàn phím: Qua bluetooth Loại pin sử dụng: Sạc thông qua cổng Type C Tiện ích thông minh: Điều khiển tv qua tín hiệu hồng ngoại hoặc bluetooth Phương thức kết nối: Bluetooth 5.0, Cổng hồng ngoại Tính năng khác: Xem phim, Chơi game, Nghe nhạc	
13	Micro không	Dải tần	640 Mhz -690 Mhz

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	
	dây	Kênh	100 kênh
		Đáp ứng tần số	39Hz-20Khz
		Màn hình hiển thị	LCD trên micro và trên đầu thu
		Tuổi thọ pin	8 giờ (pin AA).Diversity tăng, giảm độ nhạy của Micro
		Phạm vi	Lên đến 600 feet (200 m)
		Độ méo tín hiệu	< 0,5 %
		Tỉ lệ tín/tạp	> 90dB
		Nhận kênh kép, hai micro có thể được sử dụng tại cùng một thời điểm	<ul style="list-style-type: none"> - 2 LCD màn hình đầu thu hiển thị kênh, tần số và trạng thái làm việc khác - 2 x XLR đầu ra cho mỗi kênh và 1 x 1/4 "Mixed đầu ra
14	Màn chiếu khung điện	<p>Kiểu màn chiếu: Điện</p> <p>Kích cỡ: 150Inch</p> <p>Kích thước: Kích thước vùng chiếu (m): 3m32 x 1m87</p> <p>Mô tả khác: Kích thước vùng chiếu (inch): 131 inch x 74 inch</p> <p>Tỷ lệ khung màn: 16:9</p> <p>Gain: 1.2 giúp tăng độ tương phản của máy chiếu đến tối đa</p> <p>Góc nhìn: 100 độ/Độ dày vải màn: 0.42mm</p> <p>Chất liệu vải màn: Sợi vải tổng hợp PVC và lớp phủ xám cao cấp giúp tăng độ sáng của hình ảnh</p> <p>Động cơ: Tubular với tuổi thọ lên đến 10 năm</p>	
15	Máy chiếu phim	<ul style="list-style-type: none"> • Công nghệ : 3LCD • Cường độ sáng trắng : 7.000 lm • Độ phân giải thực : WUXGA (1920 x1200) • Độ phân giả tối đa 4K Enhancement (3840×2160) • Độ tương phản : 2.500.000:1 • Kích thước chiếu : 50” - 500” • Tỉ lệ phóng: 1.35 – 2.20 :1 • Nguồn đèn : Laser Diode • Tuổi thọ nguồn đèn : 20.000 giờ • Khả năng trình chiếu 360° • Loa tích hợp : 10W • Chiều lệch góc (dọc/ngang) : ±30° • Kết nối : HDMI x 2, Wireless (tuỳ chọn), LAN RJ45, S-Video, Composite, Audio RCA, Stereo mini jack in x 2, Stereo mini jack out, Microphone, RS232C, USB-A x2, USB-B. 	

STT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật
		<ul style="list-style-type: none"> • Wireless : tùy chọn ELPAP11 • Tự động chỉnh vuông hình ảnh • Chức năng tự khởi động (Auto Power On) • Tự động dò tìm tín hiệu đầu vào • Chia đôi màn hình, cho phép trình chiếu đồng thời 2 hình ảnh từ các thiết bị riêng biệt • Multi-PC trình chiếu 4 thiết bị cùng lúc • Trình chiếu hình ảnh từ USB • Trình chiếu và quản lý máy chiếu qua mạng LAN • Cổng USB-B (3 trong 1) trình chiếu hình ảnh, âm thanh và sao chép cài đặt, cập nhật firmware • Chức năng tạm dừng trình chiếu, tiết kiệm điện năng • Hỗ trợ ghép nhiều máy chiếu (Mapping)
16	Reo nâng hạ máy chiếu	<p>Chiều cao tối thiểu min: 25cm Chiều dài tối đa khi đặt máy chiếu Max: 300cm Kích thước mặt bích trang trí: 50cm x 50cm bằng plastic dẻo, giảm sức tải thừa của bộ nâng hạ, tăng độ bền cho thiết bị.</p> <p>Tải trọng: 25kgs Động cơ tải: loại Tubular có sức tải lớn, bền, tuổi thọ đến 10 năm, có cơ chế rơle tự ngắt khi động cơ bị nóng để bảo vệ độ an toàn cho thiết bị Sử dụng 3 cạnh zíc zắc, tạo cơ chế chống rung lắc. Có hệ thống khoá dây tín hiệu và dây nguồn điện an toàn, chống kẹt, theo cơ chế zíc zắc.</p>
17	Bộ logo và chữ: HỌC VIỆN BẢO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	Mới 100%, chất liệu Inox vàng xước
18	Bộ khóa	<ul style="list-style-type: none"> • Chất Liệu: Đồng vàng (đồng thau) • Màu Sắc: Đồng vàng • Thân Khóa: Thân loại to, chốt đồng • Tay Khóa: Tay nắm xoay kèm tay tôm • Ốp Khóa: Ốp vuông. Kích thước: 463 x 64 mm • Cù Chìa: Cù chìa bằng đồng • Chìa: 4 chìa • Loại Cửa: Cửa gỗ, độ dày 4 - 6 cm

- Hãng sản xuất, nhãn hiệu, mã hiệu, nơi sản xuất, xuất xứ (nếu có) trong bảng trên là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu và để dùng để tham khảo quy cách, chất liệu, màu sắc của sản phẩm. Nhà thầu có quyền lựa chọn sản phẩm dùng tham khảo hoặc sản phẩm khác có tính năng sử dụng "tương đương" hoặc tốt hơn so

với các sản phẩm tối thiểu.

1.4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;

Nhà thầu phải tuân thủ các trình tự thi công theo thiết kế, và các yêu cầu trình tự thi công của Chủ đầu tư. Tất cả các hạng mục của gói thầu xây lắp phải được thi công theo đúng hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt và theo quy trình thi công và nghiệm thu hiện hành của Nhà nước. Trước khi khởi công công trình nhà thầu phải lập biện pháp thi công, phê duyệt và gửi Chủ đầu tư để theo dõi và giám sát.

1.5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn;

Đảm bảo yêu cầu theo hồ sơ thiết kế bản vẽ được duyệt.

1.6. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có);

- Nhà thầu thi công xây dựng phải tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

1.7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;

- Nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn và thu dọn hiện trường; nước thải, chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Đối với những công trình xây dựng trong khu vực đô thị, phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

- Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

- Nhà thầu thi công xây dựng, chủ đầu tư phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm dừng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

- Các tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

1.8. Yêu cầu về an toàn lao động;

- Nhà thầu thi công xây dựng phải lập các biện pháp an toàn cho người, máy móc thiết bị và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.

- Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

- Nhà thầu thi công xây dựng, chủ đầu tư và các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Người để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

- Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động trên công trường.

- Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

1.9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công;

- Nhà thầu phải có giải pháp huy động nhân lực, máy móc thiết bị thi công để thực hiện gói thầu theo đúng các yêu cầu đề ra trong hồ sơ mời thầu.

- Số lượng máy móc, thiết bị thi công chi tiết do nhà thầu huy động, phù hợp với tiến độ thực hiện gói thầu.

1.10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục;

Nhà thầu phải có giải pháp thi công tổng thể, giải pháp thi công chi tiết cho các hạng mục công trình.

1.11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu;

Nhà thầu phải có hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu theo đúng qui định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

2. Yêu cầu các thông số bảo hành

Các thông số/yêu cầu tối thiểu về bảo hành mà nhà thầu phải kê khai và đáp ứng được liệt kê chi tiết trong bảng sau:

TT	Các thông số/yêu cầu	Yêu cầu tối thiểu	Đề xuất của nhà thầu
I	YÊU CẦU VỀ BẢO HÀNH ĐỐI VỚI PHẦN XÂY LẮP (C)	12 tháng kể từ khi được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định	
II	YÊU CẦU VỀ BẢO HÀNH ĐỐI HÀNG HÓA (P)	Theo quy định của nhà sản xuất nhưng tối thiểu 12 tháng kể từ khi được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định	

E-HSDT có đề xuất về thông số bảo hành không đạt yêu cầu tối thiểu nêu trên sẽ bị loại và không được đánh giá các bước tiếp theo. Các chỉ tiêu bảo hành đề xuất trong từng E-HSDT sẽ được đánh giá theo nguyên tắc trên cùng một mặt bằng và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III của E-HSMT.

IV. Các bản vẽ

Chủ đầu tư đính kèm hồ sơ thiết kế, các bản vẽ là tệp tin PDF trên Hệ thống.